



Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho
kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thông tin về Công ty

Quyết định Thành lập số 2319/QĐ-BCT **ngày** 24 tháng 12 năm 2007

Quyết định Thành lập số 2319/QĐ-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương ngày 24 tháng 12 năm 2007 về việc phê duyệt dự án và chuyển đổi Tổng Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Dệt Nam Định thành Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định.

Giấy Chứng nhận
Đăng ký Doanh nghiệp số 0600019436 **ngày** 25 tháng 12 năm 2007

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Tổng Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0600019436 ngày 27 tháng 4 năm 2017. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nam Định cấp.

Hội đồng Quản trị	Ông Nguyễn Văn Miêng	Chủ tịch (từ ngày 21/4/2018)
		Thành viên (đến ngày 20/4/2018)
	Ông Nguyễn Đức Khiêm	Chủ tịch (đến ngày 20/4/2018)
	Ông Nguyễn Xuân Vũ	Thành viên
	Ông Trần Ngọc Khanh	Thành viên (đến ngày 20/4/2018)
	Ông Tạ Minh Tấn	Thành viên (từ ngày 21/4/2018)
Ban Giám đốc	Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên (từ ngày 21/4/2018)
	Bà Nguyễn Thị Khánh	Thành viên (từ ngày 21/4/2018)
	Ông Nguyễn Văn Miêng	Tổng Giám đốc
	Ông Trần Ngọc Khanh	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Xuân Vũ	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Giám đốc Điều hành
	Bà Nguyễn Thị Khánh	Giám đốc Điều hành
	Bà Bùi Minh Hạnh	Giám đốc Điều hành (từ ngày 1/4/2018)

Trụ sở đăng ký
43 Tô Hiệu
Phường Ngô Quyền
Thành phố Nam Định
Tỉnh Nam Định
Việt Nam

Công ty kiểm toán
Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định (“Tổng Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.

Ban Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Tổng Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 44 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Tổng Công ty cho rằng Tổng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.



Thay mặt Ban Giám đốc

Nguyễn Văn Miêng
Tổng Giám đốc

Nam Định, ngày 23 tháng 8 năm 2018



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi các Cổ đông
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định ("Tổng Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Tổng Công ty phê duyệt phát hành ngày 23 tháng 8 năm 2018, được trình bày từ trang 5 đến trang 44.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề khác

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và các thuyết minh có liên quan cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 chưa được soát xét. Do vậy, chúng tôi không đưa ra kết luận hay bất cứ hình thức đảm bảo nào đối với các báo cáo và thuyết minh đó.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 18-02-209-R-SX



Trần Anh Quân

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 0306-2018-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 23 tháng 8 năm 2018



Lại Thùy Linh

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 2040-2018-007-1

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2018

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2018 VND	1/1/2018 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		419.686.374.615	408.610.614.122
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	8	25.251.738.397	29.150.305.707
Tiền	111		23.274.538.868	29.150.305.707
Các khoản tương đương tiền	112		1.977.199.529	-
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		9.500.000.000	91.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	9(a)	9.500.000.000	91.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		221.611.068.248	186.287.133.116
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	10	200.769.144.341	162.008.913.977
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		2.823.554.496	4.641.166.814
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	11	7.600.000.000	7.600.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	12	14.664.734.837	16.058.546.777
Dự phòng phải thu khó đòi	137	13	(4.246.365.426)	(4.021.494.452)
Hàng tồn kho	140	14	160.735.579.037	93.519.394.663
Hàng tồn kho	141		166.594.662.496	99.378.478.122
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(5.859.083.459)	(5.859.083.459)
Tài sản ngắn hạn khác	150		2.587.988.933	8.653.780.636
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	18(a)	1.198.274.755	2.118.032.051
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		890.871.992	5.392.922.141
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	20	498.842.186	1.142.826.444

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2018 VND	1/1/2018 VND
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		718.266.757.361	719.785.126.406
Tài sản cố định	220		600.144.941.536	292.501.714.527
Tài sản cố định hữu hình	221	15	599.672.441.536	291.997.714.527
Nguyên giá	222		952.708.819.123	643.620.685.033
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(353.036.377.587)	(351.622.970.506)
Tài sản cố định vô hình	227		472.500.000	504.000.000
Nguyên giá	228		698.000.000	698.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(225.500.000)	(194.000.000)
Bất động sản đầu tư	230	16	6.776.669.287	6.678.359.689
Nguyên giá	231		11.603.304.468	11.191.936.286
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(4.826.635.181)	(4.513.576.597)
Tài sản dở dang dài hạn	240		21.054.375.094	327.532.582.128
Xây dựng cơ bản dở dang	242	17	21.054.375.094	327.532.582.128
Đầu tư tài chính dài hạn	250	9(b)	76.649.895.863	84.477.469.426
Đầu tư vào công ty con	251		57.776.239.633	57.776.239.633
Đầu tư vào các công ty liên kết	252		25.352.674.793	25.352.674.793
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		1.348.555.000	1.348.555.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(7.827.573.563)	-
Tài sản dài hạn khác	260		13.640.875.581	8.595.000.636
Chi phí trả trước dài hạn	261	18(b)	13.640.875.581	8.595.000.636
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.137.953.131.976	1.128.395.740.528

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2018 VND	1/1/2018 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		924.756.605.407	920.149.652.156
Nợ ngắn hạn	310		418.861.936.180	406.661.563.599
Phải trả người bán ngắn hạn	311	19	207.551.790.993	143.531.660.724
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		394.388.683	1.236.610.188
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	20	655.685.376	96.029.955
Phải trả người lao động	314		5.598.239.234	8.502.508.369
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	21	1.999.516.633	1.534.435.826
Phải trả ngắn hạn khác	319	22(a)	5.550.796.675	2.166.538.744
Vay ngắn hạn	320	23(a)	195.155.555.092	248.397.796.470
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	24	1.955.963.494	1.195.983.323
Nợ dài hạn	330		505.894.669.227	513.488.088.557
Phải trả người bán dài hạn	331	19	4.380.192.506	29.096.292.462
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	25	3.186.634.157	3.554.323.061
Phải trả dài hạn khác	337	22(b)	14.331.923.822	26.331.923.822
Vay dài hạn	338	23(b)	483.995.918.742	454.505.549.212
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		213.196.526.569	208.246.088.372
Vốn chủ sở hữu	410	26	213.196.526.569	208.246.088.372
Vốn cổ phần	411	27	136.000.000.000	136.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		136.000.000.000	136.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	29	57.617.067.516	20.959.282.666
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		19.579.459.053	51.286.805.706
- LNST chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		5.175.216.685	3.014.314.134
- LNST chưa phân phối kỳ này/năm nay	421b		14.404.242.368	48.272.491.572
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.137.953.131.976	1.128.395.740.528

Ngày 23 tháng 8 năm 2018

Người lập:


Trần Quang Thắng
Người lập

Người duyệt:


Vũ Ngọc Tuấn
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Miêng
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018

Mẫu B 02a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2018 VND	30/6/2017 VND Chưa soát xét
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	31	385.110.318.272	392.644.213.814
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	32	354.582.691.241	372.762.010.650
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		30.527.627.031	19.882.203.164
Doanh thu hoạt động tài chính	21	33	23.719.357.799	14.556.057.524
Chi phí tài chính	22	34	28.135.752.691	14.461.975.843
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		13.533.548.423	12.180.168.705
Chi phí bán hàng	25	35	3.324.663.501	3.815.130.028
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	36	8.539.154.162	5.198.374.714
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		14.247.414.476	10.962.780.103
Thu nhập khác	31		693.079.505	904.270.609
Chi phí khác	32		356.256.088	62.302.357
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		336.823.417	841.968.252
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		14.584.237.893	11.804.748.355
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	38	179.995.525	1.247.453.990
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		14.404.242.368	10.557.294.365

Ngày 23 tháng 8 năm 2018

Người lập:



Trần Quang Thắng
Người lập

Người duyệt:



Vũ Ngọc Tuấn
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Miêng
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2018 VND	30/6/2017 VND Chưa soát xét
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		14.584.237.893	11.804.748.355
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		20.261.469.118	12.451.379.968
Các khoản dự phòng	03		8.052.444.537	-
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		3.843.177.063	43.559.313
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(18.966.544.480)	(8.964.312.839)
Chi phí lãi vay	06		13.533.548.423	12.180.168.705
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		41.308.332.554	27.515.543.502
Biến động các khoản phải thu	09		(34.659.588.057)	(43.967.256.285)
Biến động hàng tồn kho	10		(67.216.184.374)	37.812.932.621
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		56.471.025.619	169.006.843
Biến động chi phí trả trước	12		4.678.829.941	(1.244.514.504)
			582.415.683	20.285.712.177
Tiền lãi vay đã trả	14		(10.539.268.572)	(11.996.513.230)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(2.153.796.238)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	976.416.320
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(533.824.000)	(385.980.002)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(10.490.676.889)	6.725.839.027

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018****(Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)****Mẫu B 03a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2018 VND	30/6/2017 VND
				Chưa soát xét

LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(50.955.332.936)	(55.934.809.799)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22	1.323.589.091	204.952.272
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(21.300.000.000)	(14.250.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24	102.800.000.000	19.592.729.421
Tiền thu lãi cho vay, lãi tiền gửi và cổ tức	27	10.234.844.657	6.884.648.974
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	42.103.100.812	(43.502.479.132)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Tiền thu từ đi vay	33	321.931.474.772	328.988.527.187
Tiền trả nợ gốc vay	34	(349.871.839.114)	(281.576.822.855)
Tiền trả cổ tức	36	(7.680.313.500)	(7.175.996.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(35.620.677.842)	40.235.707.832
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	(4.008.253.919)	3.459.067.727
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	29.150.305.707	8.249.659.402
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	109.686.609	72.605.335
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	25.251.738.397	11.781.332.464

Ngày 23 tháng 8 năm 2018

Người lập:


Trần Quang Thắng
Người lập

Người duyệt:


Vũ Ngọc Tuấn
Kế toán trưởng




Nguyễn Văn Miêng
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định (“Tổng Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Tổng Công ty là:

- Sản xuất sợi các loại, chỉ các loại;
- Sản xuất vải dệt thoi;
- Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác;
- Hoàn thiện sản phẩm dệt: in, nhuộm màu, giặt, hồ, chống thấm, phòng co;
- Sản xuất hàng may sẵn, quần áo các loại;
- Sản xuất các loại hàng dệt khác: khăn bông; các sản phẩm dệt, may khác;
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép;
- Buôn bán chuyên doanh khác: mua bán sợi, bông, khăn, hóa chất, thuốc nhuộm, bột hồ, phụ tùng máy móc thiết bị ngành sợi, dệt may;
- Buôn bán tổng hợp: mua bán các sản phẩm ngành sợi, dệt, may;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày: kinh doanh khách sạn, nhà nghỉ, ký túc xá công nhân;
- Dịch vụ ăn uống khác: dịch vụ cơm ca công nhân;
- Cho thuê máy móc, thiết bị ngành sợi, dệt, may, xây dựng và đồ dùng hữu hình khác;
- Dạy nghề: sợi, dệt, may (ngắn hạn);
- Xây dựng nhà các loại, các công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước; thoát nước và xử lý nước thải;
- Bốc xếp hàng hóa; kho bãi và lưu trữ hàng hóa;
- Kinh doanh bất động sản: dịch vụ cho thuê ki ốt; văn phòng, nhà xưởng, ga ra ô tô;
- Cho thuê ô tô con, ô tô tải, ô tô chở khách;
- Sản xuất giấy nhãn, bì nhãn, bao bì từ giấy và bì; và
- Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(d) Cấu trúc Tổng Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Tổng Công ty có 7 công ty con và 2 công ty liên kết (1/1/2018: 7 công ty con và 2 công ty liên kết) được liệt kê trong Thuyết minh 9(b).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Tổng Công ty có 1.356 nhân viên (1/1/2018: 1.308 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Tổng Công ty cũng lập và phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng năm gần nhất.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản/bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Tổng Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư.

(ii) Đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Tổng Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Tổng Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Tổng Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- | | |
|-----------------------------|------------|
| ▪ nhà cửa | 6 – 50 năm |
| ▪ thiết bị, dụng cụ quản lý | 3 – 8 năm |
| ▪ máy móc và thiết bị | 5 – 15 năm |
| ▪ phương tiện vận chuyển | 6 – 10 năm |

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(g) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 8 năm.

(h) Bất động sản đầu tư cho thuê

(i) Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Giám đốc. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nhà cửa 6 – 50 năm

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho công trình xây dựng chưa hoàn thành và máy móc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(j) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tổng Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian trả trước của hợp đồng thuê đất.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tổng Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(k) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(l) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ kế toán bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(n) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu dịch vụ gia công

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi hàng hoá được gia công xong và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iv) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(v) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(vi) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

(o) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(p) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(q) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

4. Tính thời vụ của các hoạt động kinh doanh

Tổng Công ty không có hoạt động kinh doanh nào có tính thời vụ có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.

5. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính hàng năm và báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban điều hành thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018, không có thay đổi trọng yếu nào trong các ước tính kế toán đã được thực hiện tại thời điểm cuối kỳ kế toán năm trước.

6. Các khoản mục bất thường

Tổng Công ty không có các khoản mục bất thường có thể ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.

7. Các thay đổi trong cơ cấu của Tổng Công ty

Không có thay đổi trong cơ cấu của Tổng Công ty trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

8. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2018 VND	1/1/2018 VND
Tiền mặt	709.085.104	485.742.000
Tiền gửi ngân hàng	22.565.453.764	28.664.563.707
Các khoản tương đương tiền	1.977.199.529	-
	25.251.738.397	29.150.305.707

9. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn

	30/6/2018		1/1/2018	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	9.500.000.000	9.500.000.000	91.000.000.000	91.000.000.000

(*) Khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 12 tháng và hưởng lãi suất dao động từ 6,3% đến 7,2% (2017: 1% đến 4,8%) một năm.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Đầu tư tài chính dài hạn

Đầu tư góp vốn vào:

- Công ty con
 - Công ty CP Thương mại Dịch vụ Dệt Nam Định
 - Công ty CP Chăn len Dệt May Nam Định
 - Công ty CP Dệt khăn Dệt May Nam Định
 - Công ty CP May IV Dệt May Nam Định
 - Công ty CP Dệt – Dệt May Nam Định
 - Công ty CP May V Dệt May Nam Định
 - Công ty CP Sợi Thanh Châu Dệt May Nam Định

▪ Công liên kết

- Công ty CP May I Dệt May Nam Định
- Công ty CP Phát triển Đô thị Dệt May Nam Định

▪ Đơn vị khác

- Ngân hàng TMCP Công thương

	30/6/2018			1/1/2018		
	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	% sở hữu	% quyền biểu quyết
						Giá gốc VND
						Dự phòng VND
	52,52%	52,52%	2.876.479.633	-	52,52%	2.876.479.633
	87,78%	87,78%	10.533.260.000	-	87,78%	10.533.260.000
	86,34%	86,34%	4.317.000.000	-	86,34%	4.317.000.000
	53,46%	53,46%	4.009.500.000	-	53,46%	4.009.500.000
	90,88%	90,88%	27.264.000.000	(3.501.573.563)	90,88%	27.264.000.000
	78,65%	78,65%	4.326.000.000	(4.326.000.000)	78,65%	4.326.000.000
	89,00%	89,00%	4.450.000.000	-	89,00%	4.450.000.000
			57.776.239.633	(7.827.573.563)		57.776.239.633
	41,82%	41,82%	2.352.674.793	-	41,82%	2.352.674.793
	36,92%	36,92%	23.000.000.000	-	36,92%	23.000.000.000
			25.352.674.793	-		25.352.674.793
	0,002%	0,002%	1.348.555.000	-	0,002%	1.348.555.000
			84.477.469.426	(7.827.573.563)		84.477.469.426

Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/6/2018	1/1/2018
	VND	VND
Bên liên quan		
Công ty mẹ		
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	42.252.531	1.182.254.004
Công ty con		
Công ty CP Dệt - Dệt May Nam Định	111.305.487.711	114.481.455.006
Công ty CP Dệt khăn Dệt May Nam Định	10.703.077.263	3.125.371.054
Công ty CP Sợi Thanh Châu	2.364.786.000	2.254.229.989
Công ty CP Chăn len Dệt May Nam Định	179.813.474	273.103.148
Công ty CP May V Dệt May Nam Định	3.773.489.466	3.601.983.151
Công ty CP May IV Dệt May Nam Định	268.192.568	182.590.600
Bên khác		
Công ty TNHH Dệt May Phú Cường	8.866.218.421	5.800.627.263
China Ctexic Corporation	8.039.176.200	-
Jinjiang Hengfeng Imp and Exp Trading Co., Ltd	8.026.516.080	-
Xiamen Itg Group Corp., Ltd	6.221.182.509	4.058.538.236
Công ty TNHH MTV X20 Nam Định	5.120.047.716	2.215.326.457
Các khách hàng khác	35.858.904.402	24.833.435.069
	200.769.144.341	162.008.913.977

Khoản phải thu thương mại từ công ty mẹ không có đảm bảo, không tính lãi và có thời hạn hoàn trả là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Khoản phải thu thương mại từ các công ty con không có đảm bảo, có thời hạn hoàn trả là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn và được tính lãi chậm nộp với lãi suất 7,5%/năm (2017: 7,8%/năm) khi quá hạn mà các công ty liên quan này chưa thanh toán.

11. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	30/6/2018	1/1/2018
	VND	VND
Bên liên quan		
Công ty CP May V Dệt May Nam Định (công ty con)	7.600.000.000	7.600.000.000

Các khoản cho vay cấp cho công ty con không được đảm bảo và hưởng lãi suất tương đương với lãi suất cho vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam tại thời điểm vay là 7,5%/năm (2017: 6%/năm).

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2018	1/1/2018
	VND	VND
Cổ tức phải thu các công ty con	-	4.040.870.400
Phải thu tiền lãi cho vay từ các công ty con	932.569.902	712.731.210
Phải thu các công ty con về tiền đất cho thuê	3.250.923.622	4.470.641.854
Phải thu hỗ trợ Dự án di dời Tổng Công ty CP Dệt May Nam Định (*)	2.924.339.219	2.924.339.219
Phải thu về thanh lý tài sản cố định	2.600.000.000	3.200.000.000
Ký cược, ký quỹ	4.794.089.118	451.241.179
Phải thu khác	162.812.976	258.722.915
	14.664.734.837	16.058.546.777

(*) Đây là khoản phải thu Ngân sách Nhà nước liên quan đến các chi phí phát sinh từ Dự án di dời Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định về Khu Công nghiệp Hòa Xá, bao gồm chi phí đo vẽ nhà đất, chi phí di dời, chi phí sản xuất chạy thử và các chi phí hỗ trợ doanh nghiệp di dời do ngừng sản xuất. Các khoản chi phí này đã được Sở Tài chính Tỉnh Nam Định phê duyệt và trình Bộ Tài chính xem xét hỗ trợ theo công văn số 2510/STC-ĐT ngày 20 tháng 12 năm 2016 của Sở tài chính và Quyết định số 86/2010/QĐ-TTg ngày 22 tháng 12 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế tài chính phục vụ di dời các cơ sở gây ô nhiễm môi trường và các cơ sở phải di dời theo quy hoạch xây dựng đô thị.

Trong năm 2017, Bộ Tài chính đã có các công văn trả lời, đồng ý hỗ trợ Tổng Công ty các chi phí đo vẽ nhà đất, chi phí di dời và các chi phí phát sinh do ngừng sản xuất. Tổng Công ty đã ghi giảm khoản phải thu khác tương ứng với số tiền hỗ trợ đã nhận được. Phần còn lại của khoản phải thu khác tương ứng với các khoản xin hỗ trợ chi phí sản xuất chạy thử vẫn đang được Bộ Tài chính tiếp tục xem xét. Tại ngày báo cáo, Ban Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng rằng toàn bộ các khoản xin hỗ trợ này sẽ được hoàn lại.

Trong các khoản phải thu ngắn hạn khác có các khoản phải thu từ các bên liên quan như sau:

	30/6/2018	1/1/2018
	VND	VND
Công ty CP May V Dệt May Nam Định	2.389.895.862	2.023.687.057
Công ty CP Dệt khăn Dệt May Nam Định	911.397.269	551.323.712
Công ty CP Dệt - Dệt May Nam Định	705.535.604	4.772.011.314
Công ty CP May IV Dệt May Nam Định	140.435.604	650.920.981
Công ty CP Chấn len Dệt May Nam Định	36.229.185	581.330.400
Công ty CP Thương mại Dịch vụ Dệt Nam Định	-	283.620.000
Công ty CP May I Dệt May Nam Định	-	361.350.000
	4.183.493.524	9.224.243.464

Khoản phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan không được đảm bảo, không tính lãi và có thể thu được khi có yêu cầu.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

13. Dự phòng phải thu khó đòi

	Thời gian quá hạn	30/6/2018			Thời gian quá hạn	1/1/2018		
		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Bạch Việt	Trên 3 năm	2.883.059.365	(2.883.059.365)	-	Trên 3 năm	2.883.059.365	(2.883.059.365)	-
Công ty TNHH Thương mại Hải Dung	Trên 3 năm Từ 6 tháng đến 1 năm	118.515.062	(118.515.062)	-	Trên 3 năm Từ 6 tháng đến 1 năm	118.515.062	(118.515.062)	-
Khác	Từ 1-2 năm	330.180.747	(99.054.224)	231.126.523	Từ 1-2 năm	137.827.154	(41.348.146)	96.479.008
Khác	Từ 2-3 năm	257.231.856	(128.615.928)	128.615.928	Từ 2-3 năm	174.911.931	(122.438.352)	52.473.579
Khác	Trên 3 năm	1.017.120.847	(1.017.120.847)	-	Trên 3 năm	856.133.527	(856.133.527)	-
		4.606.107.877	(4.246.365.426)	359.742.451		4.170.447.039	(4.021.494.452)	148.952.587

Trong đó:

Dự phòng phải thu khó đòi –
ngắn hạn

(4.246.365.426)

(4.021.494.452)

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. Hàng tồn kho

	30/6/2018		1/1/2018	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	28.544.678.855	-	5.662.644.761	-
Nguyên vật liệu	65.800.012.562	-	46.895.725.675	-
Công cụ và dụng cụ	230.891.060	-	227.412.424	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	11.325.647.975	-	6.394.504.949	-
Thành phẩm	55.433.413.199	(4.140.160.047)	29.004.593.352	(4.140.160.047)
Hàng hóa	5.201.785.180	(1.718.923.412)	11.135.363.296	(1.718.923.412)
Hàng gửi đi bán	58.233.665	-	58.233.665	-
	166.594.662.496	(5.859.083.459)	99.378.478.122	(5.859.083.459)

Trong hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 có 10.832 triệu VND thành phẩm và 9.491 triệu VND hàng hóa (1/1/2018: 10.832 triệu VND thành phẩm và 9.491 triệu VND hàng hóa) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

15. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	174.996.292.021	1.604.259.970	448.510.805.285	18.509.327.757	643.620.685.033
Tăng trong kỳ	-	-	47.148.000	-	47.148.000
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	90.085.018.410	1.153.144.518	215.756.119.046	19.787.402.489	326.781.684.463
Thanh lý	(341.997.325)	-	(17.398.701.048)	-	(17.740.698.373)
Số dư cuối kỳ	264.739.313.106	2.757.404.488	646.915.371.283	38.296.730.246	952.708.819.123
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	48.431.875.657	1.266.718.738	295.347.120.976	6.577.255.135	351.622.970.506
Khấu hao trong kỳ	5.101.107.778	34.473.866	12.464.516.929	1.383.149.321	18.983.247.894
Thanh lý	(341.997.325)	-	(17.227.843.488)	-	(17.569.840.813)
Số dư cuối kỳ	53.190.986.110	1.301.192.604	290.583.794.417	7.960.404.456	353.036.377.587
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	126.564.416.364	337.541.232	153.163.684.309	11.932.072.622	291.997.714.527
Số dư cuối kỳ	211.548.326.996	1.456.211.884	356.331.576.866	30.336.325.790	599.672.441.536

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 có các tài sản cố nguyên giá 209.929 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2018: 217.430 triệu VND).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại 522.570 triệu VND (1/1/2018: 234.056 triệu VND) được thế chấp tại các ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tổng Công ty (Thuyết minh 23).

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

16. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư cho thuê

	Nhà cửa VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ	11.191.936.286
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	411.368.182
Số dư cuối kỳ	11.603.304.468
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	4.513.576.597
Khấu hao trong kỳ	313.058.584
Số dư cuối kỳ	4.826.635.181
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	6.678.359.689
Số dư cuối kỳ	6.776.669.287

Bất động sản đầu tư cho thuê của Tổng Công ty bao gồm:

- Văn phòng cho thuê tại số 26, Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam; và
- Ki-ốt cho thuê tại số 43 Tô Hiệu, Phường Ngô Quyền, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam.

Tại ngày báo cáo, Tổng Công ty không xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư do không có thị trường hoạt động để xác định giá trị hợp lý cho loại bất động sản đầu tư này một cách đáng tin cậy.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

17. Xây dựng cơ bản dở dang

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
		Chưa soát xét
Số dư đầu kỳ	327.532.582.128	121.671.392.258
Tăng trong kỳ	30.453.455.841	52.770.006.514
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(326.781.684.463)	(117.429.015.634)
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	(258.013.746)	-
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(9.480.596.484)	(213.735.950)
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(411.368.182)	(836.781.818)
Số dư cuối kỳ	21.054.375.094	55.961.865.370

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	30/6/2018	1/1/2018
	VND	VND
Dự án Nhà máy Sợi 3 - 12 vạn cọc	641.983.008	308.791.031.966
Dự án Nhà máy Nhuộm và Nhà máy Động lực	577.844.086	337.053.941
San nền và giải phóng mặt bằng ở Khu Công nghiệp Hòa Xá	13.262.879.215	13.077.730.130
Các công trình khác	6.571.668.785	5.326.766.091
	21.054.375.094	327.532.582.128

Trong kỳ, chi phí vay được vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang là 4.138 triệu VND (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2017: 273 triệu VND).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, không có công trình xây dựng cơ bản dở dang nào được thế chấp tại các ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tổng Công ty (1/1/2018: 302.076 triệu VND).

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

18. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	30/6/2018 VND	1/1/2018 VND
Công cụ và dụng cụ	1.198.274.755	2.056.260.792
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	-	61.771.259
	1.198.274.755	2.118.032.051

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đất trả trước VND	Công cụ và dụng cụ VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	3.400.998.312	5.194.002.324	8.595.000.636
Tăng trong kỳ	-	456.991.463	456.991.463
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	9.480.596.484	9.480.596.484
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	-	(191.505.680)	(191.505.680)
Phân bổ trong kỳ	(933.662.640)	(3.766.544.682)	(4.700.207.322)
	2.467.335.672	11.173.539.909	13.640.875.581

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

19. Phải trả người bán

(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	30/6/2018	1/1/2018
	VND	VND
Bên liên quan		
Công ty CP Dịch vụ Thương mại Dệt Nam Định (công ty con)	1.356.855.867	6.083.153.205
Các bên liên quan khác	-	300.000.000
Bên khác		
Agrocorp International Pte., Ltd	78.626.661.851	-
Glencore Agriculture B.V	36.705.891.313	-
Louis Dreyfus Company Suisse SA	28.703.865.173	-
Withus Korea Ltd	28.544.678.855	-
Cargill Cotton Limited	5.556.728.643	68.203.934.190
Doanh nghiệp Tư nhân Ngọc Đạt	709.047.276	5.326.404.777
Các nhà cung cấp khác	31.728.254.521	92.714.461.014
	211.931.983.499	172.627.953.186

Khoản phải trả thương mại đối với các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

(b) Phải trả người bán chi tiết theo kỳ hạn thanh toán

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	30/6/2018	1/1/2018
	VND	VND
Ngắn hạn	207.551.790.993	143.531.660.724
Dài hạn	4.380.192.506	29.096.292.462
	211.931.983.499	172.627.953.186

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

20. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước

	1/1/2018 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp/bù trừ trong kỳ VND	30/6/2018 VND
Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	(468.779.123)	20.943.110.566	(20.041.038.873)	433.292.570
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	28.080.869	6.047.939.046	(6.047.939.046)	28.080.869
Thuế nhập khẩu	-	633.077.948	(633.077.948)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(650.426.931)	179.995.525	-	(470.431.406)
Thuế thu nhập cá nhân	55.499.912	205.241.001	(80.053.575)	180.687.338
Thuế tài nguyên	12.449.174	69.469.983	(68.294.558)	13.624.599
Tiền thuê đất	-	1.250.289.915	(1.255.080.305)	(4.790.390)
Các loại thuế khác	(23.620.390)	11.000.000	(11.000.000)	(23.620.390)
	(1.046.796.489)	29.340.123.984	(28.136.484.305)	156.843.190
<i>Trong đó</i>				
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	(1.142.826.444)			(498.842.186)
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	96.029.955			655.685.376

21. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2018 VND	1/1/2018 VND
Chi phí lãi vay	367.922.972	349.875.933
Chi phí điện, nước phải trả	1.071.139.072	835.105.348
Chi phí khác	560.454.589	349.454.545
	1.999.516.633	1.534.435.826

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

22. Các khoản phải trả khác

(a) Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2018 VND	1/1/2018 VND
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và kinh phí công đoàn	1.510.164.544	143.871.719
Cổ tức phải trả	1.419.823.000	940.136.500
Chi phí lãi vay phải trả bên liên quan (*)	1.873.746.431	224.800.525
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	747.062.700	857.730.000
	5.550.796.675	2.166.538.744

(*) Chi phí lãi vay phải trả bên liên quan không có đảm bảo và phải trả khi được yêu cầu.

(b) Phải trả dài hạn khác

	30/6/2018 VND	1/1/2018 VND
Nhận hỗ trợ vốn cho Dự án di dời Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định (*)	14.212.500.000	26.212.500.000
Các khoản phải trả dài hạn khác	119.423.822	119.423.822
	14.331.923.822	26.331.923.822

(*) Đây là số tiền ứng trước từ Công ty CP Phát triển Đô thị Dệt May Nam Định cho mục đích đền bù tài sản trên đất và hỗ trợ di dời của Dự án di dời Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

23.

Vay

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2018	Biến động trong kỳ	30/6/2018
	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Giảm VND	Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện VND
			Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	242.679.826.611	(343.225.667.362)	189.497.665.039
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 23(b))	5.717.969.859	(5.717.969.859)	5.657.890.053
	248.397.796.470	(348.943.637.221)	195.155.555.092

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	30/6/2018 VND	1/1/2018 VND
Bên khác				
Vay ngân hàng 1	USD	2,9%	89.312.743.034	52.604.994.582
Vay ngân hàng 2	USD	3,3%	44.051.174.668	56.632.879.392
Vay ngân hàng 3	USD	4,5%	31.604.639.649	18.639.602.657
Vay ngân hàng 4	USD	3,5%	8.338.575.672	-
Vay ngân hàng 5	VND	6,5%	3.522.168.551	-
Vay ngân hàng 6	VND	6%	2.072.222.254	13.708.792.640
Vay ngân hàng 7	VND	7,4%	-	36.246.802.726
Vay ngân hàng 8	USD	3,8%	-	5.277.729.273
Vay ngân hàng 9	VND	8%	-	32.939.866.984
Vay cá nhân	VND	5,16% - 6%	10.596.141.211	26.629.158.357
			189.497.665.039	242.679.826.611

Khoản vay từ các ngân hàng được đảm bảo bằng một số tài sản cố định hữu hình của Tổng Công ty với giá trị ghi sổ là 36.183 triệu VND (1/1/2018: 26.982 triệu VND).

Khoản vay từ các cá nhân không có tài sản đảm bảo.

(b) Vay dài hạn

	30/6/2018 VND	1/1/2018 VND
Số dư đầu kỳ/năm	454.505.549.212	155.745.440.097
Tăng trong kỳ/năm	34.083.070.766	362.688.833.515
Vay ngắn hạn được gia hạn	-	64.999.388.608
Tiền vay hoàn trả trong kỳ/năm	(928.201.893)	(123.076.890.495)
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.993.390.710	(133.252.654)
Số dư cuối kỳ/năm	489.653.808.795	460.223.519.071
Khoản đến hạn trả trong 12 tháng (Thuyết minh 23(a))	(5.657.890.053)	(5.717.969.859)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	483.995.918.742	454.505.549.212

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	30/6/2018 VND	1/1/2018 VND
Bên liên quan					
Tập đoàn Dệt May Việt Nam (i)	VND	8,8%	2023	64.999.388.608	64.999.388.608
		LIBOR +			
Tập đoàn Dệt May Việt Nam (ii)	USD	0,7%	2036	135.424.536.971	134.052.944.328
Công ty CP Thương mại Dịch vụ Dệt Nam Định (i)	VND	7,5%	2019	9.000.000.000	9.000.000.000
Bên khác					
Vay từ ngân hàng 1 (iii)	VND	8% - 9,4%	2023	101.383.335.527	89.215.170.950
Vay từ ngân hàng 2	USD	4,85%	2022	12.502.578.386	13.887.442.018
Vay từ ngân hàng 3	USD	6,5%	2022	-	260.997.800
Vay từ ngân hàng 4	USD	4,5%	2024	-	737.935.740
Vay từ ngân hàng 5 (iii)	USD	5%	2022	164.216.019.303	145.638.089.627
Vay từ ngân hàng 6	VND	10%	2022	2.127.950.000	2.431.550.000
				489.653.808.795	460.223.519.071

- (i) Các khoản vay này không có tài sản đảm bảo.
- (ii) Đây là khoản vay được Tập đoàn Dệt May Việt Nam, công ty mẹ, cho vay lại nguồn vốn vay của Ngân hàng Phát triển Châu Á (“ADB”). Khoản vay này bằng USD, có hạn mức là 6 triệu USD và được đảm bảo bằng một số tài sản cố định hữu hình của Tổng Công ty với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 là 129.004 triệu VND (1/1/2018: 133.647 triệu VND).
- (iii) Các khoản vay này được đảm bảo bằng toàn bộ máy móc, thiết bị hình thành từ Dự án Nhà máy Sợi 3 - 12 vạn cọc, với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 là 299.168 triệu VND (1/1/2018: 302.076 triệu VND).

Các khoản vay ngân hàng còn lại được đảm bảo bằng một số tài sản cố định hữu hình có giá trị ghi sổ là 58.215 triệu VND tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 (1/1/2018: 73.427 triệu VND).

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

24. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Tổng Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tổng Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2018 VND	30/6/2017 VND Chưa soát xét
Số dư đầu kỳ	1.195.983.323	1.370.432.250
Trích lập trong kỳ	1.293.804.171	574.155.075
Sử dụng trong kỳ	(533.824.000)	(385.980.002)
Số dư cuối kỳ	1.955.963.494	1.558.607.323

25. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn

Doanh thu chưa thực hiện dài hạn là doanh thu nhận trước từ công ty con liên quan đến hoạt động cho thuê máy móc thiết bị.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

26. Thay đổi vốn chủ sở hữu

Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2017

Lợi nhuận thuần trong kỳ - chưa soát xét
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi
Phân bổ vào quỹ đầu tư phát triển
Cổ tức (Thuyết minh 28)

Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
136.000.000.000	10.193.875.041	21.833.876.833	168.027.751.874
-	-	10.557.294.365	10.557.294.365
-	-	(574.155.075)	(574.155.075)
-	10.765.407.625	(10.765.407.625)	-
-	-	(7.480.000.000)	(7.480.000.000)

Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 - chưa soát xét

Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2018

Lợi nhuận thuần trong kỳ
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi
Phân bổ vào quỹ đầu tư phát triển
Cổ tức (Thuyết minh 28)

136.000.000.000	20.959.282.666	13.571.608.498	170.530.891.164
136.000.000.000	20.959.282.666	51.286.805.706	208.246.088.372
-	-	14.404.242.368	14.404.242.368
-	-	(1.293.804.171)	(1.293.804.171)
-	36.657.784.850	(36.657.784.850)	-
-	-	(8.160.000.000)	(8.160.000.000)

Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2018

136.000.000.000	57.617.067.516	19.579.459.053	213.196.526.569
-----------------	----------------	----------------	-----------------

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

27. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng Công ty là:

	30/6/2018		1/1/2018	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	13.600.000	136.000.000.000	13.600.000	136.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	13.600.000	136.000.000.000	13.600.000	136.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	13.600.000	136.000.000.000	13.600.000	136.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng Công ty.

28. Cổ tức

Ngày 21 tháng 4 năm 2018, Đại hội đồng Cổ đông của Tổng Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức 8.160 triệu VND cho các cổ đông (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017: 7.480 triệu VND).

29. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

30. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2018 VND	1/1/2018 VND
Từ hai đến năm năm	7.316.801.250	6.991.610.083
Sau năm năm	57.721.432.083	58.697.005.583
	65.038.233.333	65.688.615.666

(b) Ngoại tệ các loại

		30/6/2018		1/1/2018
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	496.461	11.382.533.736	184.277	4.175.776.854
EUR	339	9.179.988	339	9.179.988
		11.391.713.724		4.184.956.842

(c) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày báo cáo, Tổng Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán riêng:

	30/6/2018 VND	1/1/2018 VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng:		
▪ Đầu tư bổ sung máy móc, thiết bị	95.510.000.000	4.500.000.000
▪ Dự án Di dời Tổng công ty ra Khu Công nghiệp Hòa Xá	23.130.000.000	-
	118.640.000.000	4.500.000.000

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

31. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
		Chưa soát xét
▪ Bán hàng	317.248.571.985	324.917.503.037
▪ Cung cấp dịch vụ	20.386.387.611	21.769.623.604
▪ Dịch vụ gia công	45.732.647.707	44.651.240.824
▪ Cho thuê bất động sản đầu tư	1.742.710.969	1.305.846.349
	385.110.318.272	392.644.213.814

32. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
		Chưa soát xét
Thành phẩm và hàng hóa đã bán	293.885.734.734	307.406.251.763
Dịch vụ đã cung ứng	17.271.998.966	19.969.567.865
Dịch vụ gia công	42.712.561.470	44.748.411.492
Bất động sản đầu tư cho thuê	712.396.071	637.779.530
	354.582.691.241	372.762.010.650

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

33. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
		Chưa soát xét
Lãi tiền gửi và cho vay	663.812.949	2.951.286.467
Lãi do người mua chậm trả	3.953.744.071	3.482.724.798
Cổ tức được chia	17.750.000.000	5.808.074.100
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.351.800.779	2.313.972.159
	23.719.357.799	14.556.057.524

34. Chi phí tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
		Chưa soát xét
Chi phí lãi vay	13.533.548.423	12.180.168.705
Trích lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	7.827.573.563	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá	6.774.630.705	2.281.807.138
	28.135.752.691	14.461.975.843

35. Chi phí bán hàng

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
		Chưa soát xét
Chi phí vận chuyển	605.417.814	727.820.898
Chi phí đại lý bán hàng	758.490.509	1.052.521.022
Chi phí xuất khẩu	1.175.633.257	1.052.913.486
Chi phí bán hàng khác	785.121.921	981.874.622
	3.324.663.501	3.815.130.028

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

36. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
		Chưa soát xét
Chi phí lương nhân viên	2.675.107.699	1.485.863.188
Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	224.870.974	-
Chi phí phân bổ trả trước	614.330.042	462.079.675
Chi phí khấu hao	484.194.794	241.870.566
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	4.540.650.653	3.008.561.285
	8.539.154.162	5.198.374.714

37. Chi phí sản xuất, thương mại và kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
		Chưa soát xét
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	209.615.341.842	158.889.974.898
Chi phí mua hàng hóa để bán lại	49.269.579.118	119.053.429.762
Chi phí nhân công	52.244.512.845	40.789.678.722
Chi phí khấu hao	20.261.469.118	12.451.379.968
Chi phí dịch vụ mua ngoài	46.324.670.516	38.561.652.037
Chi phí khác	14.157.320.222	6.985.594.775

38. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
		Chưa soát xét
Chi phí thuế thu nhập hiện hành		
Kỳ hiện hành	273.306.586	1.247.453.990
Dự phòng thừa trong những năm trước	(93.311.061)	-
	179.995.525	1.247.453.990

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
		Chưa soát xét
Lợi nhuận kế toán trước thuế	14.584.237.893	11.804.748.355
Thuế tính theo thuế suất của Tổng Công ty	2.916.847.579	2.360.949.671
Chi phí không được khấu trừ thuế	906.459.007	48.119.139
Thu nhập không bị tính thuế	(3.550.000.000)	(1.161.614.820)
Dự phòng thừa trong những năm trước	(93.311.061)	-
	179.995.525	1.247.453.990

(c) Thuế suất áp dụng

Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp Ngân sách Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất 20% trên lợi nhuận tính thuế.

39. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trong kỳ Tổng Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
		Chưa soát xét
Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	1.247.453.990	111.752.500
Mua hàng hóa và dịch vụ	4.631.315.174	-
Hoàn trả khoản vay	1.484.753.218	-
Lãi vay và phí nhập gốc vay	1.327.286.906	297.829.353
Chi phí lãi vay	4.127.900.566	1.883.913.781
Công ty con		
Công ty CP Thương mại Dịch vụ Dệt Nam Định		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	26.664.138	24.427.638
Mua dịch vụ	4.340.300.150	3.157.339.372
Chi phí lãi vay	339.375.000	-
Lãi do người mua chậm trả	59.714.603	20.601.190

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
		Chưa soát xét
Công ty CP Chăn len Dệt May Nam Định		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	5.273.792.906	4.991.699.717
Mua hàng hóa	450.000	121.000.000
Công ty CP Dệt khăn Dệt May Nam Định		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	22.942.785.304	26.874.449.512
Mua hàng hóa	8.122.536.025	15.292.603.287
Lãi do người mua chậm trả	110.689.499	11.087.678
Công ty CP May IV Dệt May Nam Định		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	913.865.029	662.447.568
Công ty CP Dệt – Dệt May Nam Định		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	71.474.073.058	125.995.867.096
Mua hàng hóa	28.028.983.797	79.253.434.391
Lãi do người mua chậm trả	3.648.074.739	3.087.178.176
Công ty CP Sợi Thanh Châu		
Bán hàng hóa	2.341.502.548	14.586.460.325
Mua hàng hóa	12.965.246.229	14.754.826.056
Công ty CP May V Dệt May Nam Định		
Bán hàng hóa	530.793.590	568.265.080
Khoản cho vay	2.800.000.000	3.200.000.000
Nhận hoàn trả khoản vay	2.800.000.000	3.200.000.000
Thu nhập lãi vay	280.322.567	279.271.444
Lãi do người mua chậm trả	103.125.000	105.187.500
Các bên liên quan khác		
Công ty CP Phát triển Đô thị Dệt May Nam Định		
Cổ tức	17.750.000.000	5.750.000.000
Bán hàng hóa	18.000.000	24.643.000
Nhận hỗ trợ vốn cho Dự án di dời Tổng Công ty CP Dệt May Nam Định	-	976.416.320
Công ty CP May I Dệt May Nam Định		
Cung cấp dịch vụ	20.058.425	655.314.258
Công ty CP Sợi Phú Bài		
Biếu tặng máy móc thiết bị	-	307.943.619
Công ty CP May Nam Định		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	-	1.193.490.276
Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc		
Lương và thù lao đã trả	391.007.766	395.356.868

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

40. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
		Chưa soát xét
Bù trừ khoản phải trả với cổ tức phải thu trong kỳ	12.000.000.000	-
Lãi vay và phí nhập gốc vay	1.327.286.906	297.829.353

41. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2018 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017. Số liệu so sánh cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 và chưa được soát xét.

Ngày 23 tháng 8 năm 2018

Người lập:



Trần Quang Thắng
Người lập

Người duyệt:



Vũ Ngọc Tuấn
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Miêng
Tổng Giám đốc